TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **485**/2026/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 447/2026/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 04 năm 2026 về việc "Tranh chấp ly hôn" giữa:

- Nguyên đơn: Ông Trần Đình N - sinh năm 1981

CCCD số: 040081021693 cấp ngày 23/6/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

- Bị đơn: Bà Đinh Thị D – sinh năm 1984

CCCD số: 040184000165 cấp ngày 25/7/2024 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Cùng địa chỉ: Số A ngách A đường L, phường B, thành phố Hà Nội

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 05 năm 2026;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 05 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Đình N và bà Đinh Thị D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. **Về con chung:** Ông Trần Đình N và bà Đinh Thị D có 02 con chung là cháu Trần Ngọc A – sinh ngày 22/11/2011 và cháu Trần Ngọc T – sinh năm 13/10/2013. Sau khi ly hôn, giao cháu Trần Ngọc A cho ông N trực tiếp chăm sóc,

nuôi dưỡng, giao cháu Trần Ngọc T cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho ai, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung và công nợ chung: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Ông Trần Đình N và bà Đinh Thị D mỗi người phải nộp 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ghi nhận sự tự nguyện của ông N chịu toàn bộ án phí. Ông Trần Đình N phải nộp 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng*), được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí ông N đã nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Hà Nội theo biên lai số: 0010235 ngày 24/4/2026. Trả lại cho ông Trần Đình N 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Hà Nội;
- UBND phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội (nay là UBND phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội) (GCNKH số 20, quyển số 01/2011 ngày 14/2/2011);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Phương Huyền